

CÔNG TY TNHH HORN (VIỆT NAM)

豪恩（越南）有限公司

HORN (VIET NAM) COMPANY LIMITED



SMT 车间环境管控规范

QUY PHẠM KIỂM SOÁT MÔI TRƯỜNG XƯỞNG SMT

Mã văn kiện	文件编号	: VH-QMS-50
Phiên bản	版本	: 1.0
Bộ phận biên soạn	制定部门	: Bộ phận sản xuất SMT 生产部
Người lập	编制	: Cao Jian 曹键
Kiểm tra	审核	: Xiang Jun 向军
Phê duyệt	批准	: Pei Yu Gang 裴玉刚
Ngày xuất bản	制作日期	: 09-03-2022
Ngày thực hiện	实施日期	: Kể từ ngày ban hành 自发行日期
Tình trạng kiểm soát	控制状态	: Kiểm soát 控制

CÔNG TY TNHH HORN (VIỆT NAM) 豪恩(越南)有限公司		Mã văn kiện 文件编号	VH-QMS-50
 Tài liệu trình tự 程序文件		Phiên bản 版本	2022-03-26 1.0
Tiêu đề 标题	SMT 车间环境管控规范 QUY PHẠM KIỂM SOÁT MÔI TRƯỜNG XUỞNG SMT	Ngày xuất bản 制作日期	09-03-2022
		Số trang 页 码	管制章 2/7

GHI CHÉP SỬA ĐỔI

修订记录

	Phiên bản 版本	Số trang 页码	Điều khoản 条款	Ngày sửa đổi 修订日期	Người sửa đổi 制定/修订人	Nội dung sửa đổi 修订内容
Ghi chép sửa đổi 修订记录	1.0	7	Tất cả 所有	-	Cao Jian 曹键	Ban hành lần đầu 初版发行

CÔNG TY TNHH HORN (VIỆT NAM) 豪恩(越南)有限公司		Mã văn kiện 文件编号	VH-QMS-50
 Tài liệu trình tự 程序文件		Phiên bản 版本	1.0
Tiêu đề 标题	SMT 车间环境管控规范 QUY PHẠM KIỂM SOÁT MÔI TRƯỜNG XUỞNG SMT	Ngày xuất bản 制作日期	09-03-2022
		Số trang 页 码	3/7

目录 Mục lục:

1.0 目的 Mục đích	4
2.0 适用范围 Phạm vi sử dụng	4
3.0 术语定义 Định nghĩa thuật ngữ	4
3.1 温湿度管控标准 Tiêu chuẩn kiểm soát nhiệt độ và độ ẩm.....	4
4.0 职责 Trách nhiệm	4
4.1 SMT 负责车间的温度及环境参数检测。SMT chịu trách nhiệm phát hiện thông số nhiệt độ và môi trường của phân xưởng.....	4
5.0 工作流程图及工作内容 Sơ đồ công việc và nội dung công việc	4
5.1 温湿度测量及记录 Đo và ghi lại nhiệt độ và độ ẩm.....	4
5.2 生产线环境参数检测要求 Yêu cầu kiểm tra các thông số môi trường trong dây chuyền sản xuất	5
5.3 备注: Chú ý.....	7
6.0 相关/支持性文件 Các tài liệu liên quan / hỗ trợ.....	7
7.0 相关记录 Hồ sơ liên quan	7
8.0 附件 Phụ kiện.....	7

CÔNG TY TNHH HORN (VIỆT NAM) 豪恩(越南)有限公司 HORN Tài liệu trình tự 程序文件		Mã văn kiện 文件编号	VH-QMS-50
Tiêu đề 标题	SMT 车间环境管控规范 QUY PHẠM KIỂM SOÁT MÔI TRƯỜNG XƯỞNG SMT	Phiên bản 版本	2022-03-26 1.0
		Ngày xuất bản 制作日期	09-03-2022
		Số trang 页 码	管制章 4/7

1.0 Mục đích Mục đích

SMT 车间温湿度定期定检，以保证车间温度、湿度在正常范围内，确保产品质量和特殊材料储存质量，特制定本规范

Nhiệt độ và độ ẩm của xưởng SMT thường xuyên được kiểm tra để đảm bảo nhiệt độ và độ ẩm của xưởng nằm trong giới hạn bình thường, đồng thời đảm bảo chất lượng sản phẩm và chất lượng bảo quản của các nguyên vật liệu đặc biệt này.

2.0 适用范围 Phạm vi sử dụng

适用于豪恩声学 SMT 车间。Phù hợp cho Horn Acoustics SMT

3.0 术语定义 Định nghĩa thuật ngữ

3.1 温湿度管控标准 Tiêu chuẩn kiểm soát nhiệt độ và độ ẩm

3.1.1 温湿度标准范围：相对湿度 30%RH-70%RH，温度 22°C-28°C。

Phạm vi nhiệt độ và độ ẩm tiêu chuẩn: độ ẩm tương đối 30% RH-70% RH, nhiệt độ 22 °C -28 °C.

3.1.2 湿度预下限 35% RH ,上限 65% RH

Độ ẩm đặt trước giới hạn dưới 35% RH, giới hạn trên 65% RH

温度预下限 23°C , 上限 27°C

Nhiệt độ đặt trước giới hạn dưới 23°C, giới hạn trên 27°C

4.0 职责 Trách nhiệm

4.1 SMT 负责车间的温度及环境参数检测。

SMT chịu trách nhiệm phát hiện thông số nhiệt độ và môi trường của phân xưởng.

5.0 工作流程图及工作内容 Sơ đồ công việc và nội dung công việc

5.1 温湿度测量及记录 Đo và ghi lại nhiệt độ và độ ẩm

5.1.1 产线开线 20 分钟前由生产线组长进行检查温湿度仪情况并如实填写“车间温度管理表”“车间湿度管理表”，生产前由生产主管进行确认数据准确性
Trong vòng 20 phút trước khi mở dây chuyền sản xuất, trưởng dây chuyền sản xuất sẽ kiểm tra đồng hồ đo nhiệt độ và độ ẩm và điền vào "Biểu mẫu quản lý nhiệt độ phân xưởng" và "Biểu mẫu quản lý độ ẩm phân xưởng" một cách trung thực và người giám sát sản xuất sẽ xác nhận tính chính xác của dữ liệu trước khi sản xuất.

CÔNG TY TNHH HORN (VIỆT NAM) 豪恩(越南)有限公司 HORN Tài liệu trình tự 程序文件		Mã văn kiện 文件编号	VH-QMS-50
Tiêu đề 标题	SMT 车间环境管控规范 QUY PHẠM KIỂM SOÁT MÔI TRƯỜNG XUỞNG SMT	Phiên bản 版本	2022-03-26 1.0
		Ngày xuất bản 制作日期	09-03-2022
		Số trang 页 码	管制章 5/7

5.1.2 温湿度达到预警限立即通知相关人员（主管）处理，品质部请评估是否影响产品品质或原材料是否变质

Nếu nhiệt độ và độ ẩm đạt đến giới hạn cảnh báo phải thông báo ngay cho người có liên quan (chủ quản) để xử lý, bộ phận chất lượng cần đánh giá xem có ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm hay không hoặc nguyên liệu có bị giảm chất lượng hay không.

5.1.3 若测试仪出现异常需立即进行校正处理勤苦维修后方可使用

Nếu máy kiểm tra bất thường, cần phải được sửa chữa ngay lập tức.

5.2 生产线环境参数检测要求

Yêu cầu kiểm tra các thông số môi trường trong dây chuyền sản xuất

5.2.1 SMT 车间洁净度为 10 万级

Độ sạch của phân xưởng SMT là cấp 100.000

CÔNG TY TNHH HORN (VIỆT NAM) 豪恩(越南)有限公司 HORN Tài liệu trình tự 程序文件		Mã văn kiện 文件编号	VH-QMS-50
Tiêu đề 标题	SMT 车间环境管控规范 QUY PHẠM KIỂM SOÁT MÔI TRƯỜNG XUỞNG SMT	Phiên bản 版本	2022-03-26 1.0
		Ngày xuất bản 制作日期	09-03-2022
		Số trang 页 码	管制 6/7

5.2.2 测试判定依据参考以下国标 Cơ sở đánh giá thử nghiệm đề cập đến các tiêu chuẩn quốc gia sau

ISO14644-1 (国际标准) TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ						
空气洁净等级 Mức độ làm sạch không khí	大于或等于所标粒径的粒子最大浓度限值 (空气粒子数个/立方米) Giới hạn nồng độ tối đa của các hạt lớn hơn hoặc bằng kích thước được đánh dấu (số lượng hạt không khí / mét khối)					
	0.1um	0.2um	0.3um	0.5um	1.0um	5.0um
ISO Class1	10	2				
ISO Class2	100	24	10	4		
ISO Class3	1,000	237	102	35	8	
ISO Class4 (十级)	10,000	2,370	1,020	352	83	
ISO Class5 (百级)	100,000	23,700	10,200	3,520	832	29
ISO Class6 (千级)	1,000,000	237,000	102,000	35,200	8,320	293
ISO Class7 (万级)				352,000	83,200	2,930
ISO Class8 (十万级)				3,520,000	832,000	29,300
ISO Class9 (一百万级)				35,200,000	8,320,000	293,000

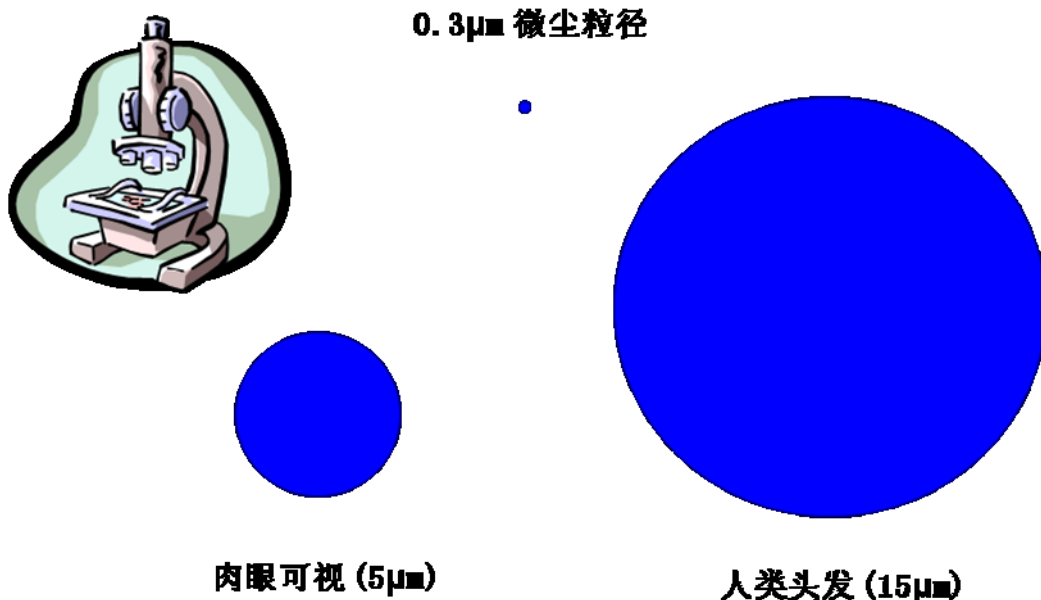
注：1、由于涉及测量过程的不确定性，故要求用不超过三个有效的浓度数字来确定等级水平

Lưu ý:

1. Do độ không đảm bảo đo liên quan đến quá trình đo, yêu cầu sử dụng không quá ba số nồng độ hợp lệ để xác định cấp độ
2. 0.5um 颗粒数, 立方米换算成立方英尺 (直接除以 35.2) 得到洁净等级;
2. Số lượng hạt 0,5um, mét khối được chuyển đổi thành feet khối (chia trực tiếp cho 35,2) để có được mức độ sạch

CÔNG TY TNHH HORN (VIỆT NAM) 豪恩(越南)有限公司 HORN Tài liệu trình tự 程序文件		Mã văn kiện 文件编号	VH-QMS-50
Tiêu đề 标题	SMT 车间环境管控规范 QUY PHẠM KIỂM SOÁT MÔI TRƯỜNG XUỞNG SMT	Phiên bản 版本	2022-03-26 1.0
		Ngày xuất bản 制作日期	09-03-2022
		Số trang 页 码	管制章 7/7 HORN

一般微粒直径对比——感性认识



5.3 备注 Chú ý

5.3.1 记录时以精密度高的温湿度仪器为依据

Ghi chép dựa trên các công cụ nhiệt độ và độ ẩm có độ chính xác cao

5.3.2 温湿度记录仪要求摆放在环境温湿度变化较敏感的区域

Máy ghi nhiệt độ và độ ẩm bắt buộc phải được đặt ở khu vực nhạy cảm với sự thay đổi của nhiệt độ và độ ẩm xung quanh

6.0 相关/支持性文件 Các tài liệu liên quan / hỗ trợ

无 Không

7.0 相关记录 Hồ sơ liên quan

FORM-VH-178 《车间温度管理表》Biểu kiểm soát nhiệt độ

FORM-VH-179 《车间湿度管理表》Biểu kiểm soát độ ẩm

8.0 附件 Phụ kiện

无 Không